

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/KDTM-PT
Ngày 01 tháng 4 năm 2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và
đòi tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Huỳnh Thanh Duyên
Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Tửu
bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 97/2024/TLPT-KDTM ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1430/2023/KDTM-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 245/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tất T (có mặt).

Địa chỉ: B B, phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Văn K là Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ: Công ty L, H (tầng 1) X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Tôn Thất Nguyễn T1 (vắng mặt).

Địa chỉ: 5 N, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

- Ông Trần Đặng Chí H (Giấy ủy quyền ngày 14/3/2022) (có mặt).

- Ông Nguyễn Vũ Đ (Giấy ủy quyền ngày 24/02/2025). Địa chỉ: H trệt + lửng N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần E.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần E: Bà Đồng Nữ Hoàng H1 (Giấy ủy quyền ngày 06/4/2023) (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở: E N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Nguyễn Thủy Phượng U. Địa chỉ: 2 B, phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4.2. Bà Tôn Nữ Kiều M. Địa chỉ: Cư xá A, lô L, đường L, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4.3. Ông Trần Công T2. Địa chỉ: Chung cư M (hộp thư A)- 102 Đ, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn là ông Tôn Thất Nguyễn Thi .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 25/11/2021 và sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 10/01/2022 của Nguyên đơn là ông Nguyễn Tất T và tại phiên tòa, Nguyên đơn trình bày như sau: ông Nguyễn Tất T và ông Tôn Thất Nguyễn T1 có quan hệ bạn bè trong nhiều năm. Vào tháng 6/2019, ông T1 rủ ông T mở nhà hàng E1 thuộc Công ty TNHH Một thành viên E do ông T1 làm đại diện theo pháp luật. Quá trình hợp tác, do ông T1 không có tiền và không có tài sản thế chấp nên nhờ ông T đứng ra vay Ngân hàng H2 số tiền là 600.000.000 đồng, vay Ngân hàng Standard Chartered 250.000.000 đồng và Ngân hàng V 250.000.000 đồng. Tổng số tiền ông T1 nhờ ông T vay là 1.100.000.000 đồng. Khi giải ngân thì ông T chuyển trực tiếp vào tài khoản cá nhân của ông T1 100.000.000 đồng để tiêu dùng. Số tiền còn lại để làm chi phí xây dựng nhà hàng. Hàng tháng ông T1 đã trả lãi và gốc của 3 khoản vay từ 3 Ngân hàng đến tháng 3/2021 bằng nhiều hình thức như: trả tiền mặt cho ông T hoặc chuyển khoản vào tài khoản của ông T. Từ tháng 4/2021 thì ông T1 ngưng không chuyển tiền để trả cho Ngân hàng. Để tránh phải trả lãi phạt nên ông T đã phải tất toán các khoản vay tại 3 Ngân hàng từ tháng 4/2021. Tính đến tháng 3/2022 thì khoản nợ mà ông T1 còn nợ ông T tổng cộng là 1.995.280.653 đồng kèm giải trình ngày 04/01/2023. Cụ thể:

+ Khoản vay 600 triệu đồng tại Ngân hàng H2: ông T1 đã chuyển trả 168.998.972 tiền gốc và lãi là 114.475.051 đồng. Tính đến tháng 4/2022 thì ông T1 còn nợ 1.083.916.435 đồng trong đó gồm: gốc là 431.001.028 đồng; lãi là 94.281.475 đồng; tiền phạt tính trên chậm trả gốc là 17.024.042 đồng; số tiền ông T ứng ra trả lãi từ tháng 4/2021 đến tháng 3/2022 là 28.347.402 đồng; số tiền ông T ứng trả gốc là 161.985.156 đồng; số tiền ông T ứng khi tất toán gồm gốc là 329.120.000 đồng và lãi 21.941.333 đồng.

+ Khoản vay 500 triệu đồng tại Ngân hàng Standard Chartered nhưng được ông T cho ông T1 vay lại 250.000.000 đồng: ông T1 đã chuyển trả 73.143.522 đồng gốc và lãi là 42.994.001 đồng. Tính đến tháng 4/2022 thì ông T1 còn nợ 439.595.659 đồng trong đó gồm: gốc là 176.856.478 đồng; lãi là 43.329.837 đồng; tiền phạt chậm trả gốc là 3.537.130 đồng ; số tiền ông T ứng ra trả gốc là 81.979.430 đồng và lãi là 14.346.400 đồng; số tiền ông T ứng khi tất toán gồm gốc là 112.074.735 đồng và lãi 7.471.649 đồng.

+ Khoản vay 500 triệu đồng tại Ngân hàng V nhưng được ông T cho ông T1 vay lại 250.000.000 đồng: ông T1 đã chuyển trả 70.712.211 đồng tiền gốc và lãi là 52.644.100 đồng. Tính đến tháng 4/2022 thì ông T1 còn nợ 471.768.559 đồng trong đó gồm: gốc là 179.287.788 đồng; lãi là 50.200.581 đồng; tiền phạt tính trên chậm trả gốc là 5.378.634 đồng; số tiền ông T ứng trả gốc là 82.486.650 đồng và lãi là 14.435.164 đồng; số tiền ông T ứng khi tất toán gốc là 131.231.007 đồng và lãi 8.748.734 đồng.

Ngoài ra ông T1 còn nợ tiền sinh hoạt phí mà ông T đã ứng ra để chi cho sinh hoạt chung của hai người là 61.000.000 đồng.

Do ông T đã nhiều lần yêu cầu ông T1 trả khoản tiền trên nhưng ông T1 không trả nên ông T kiện đến Tòa án yêu cầu ông T1 hoàn trả lại khoản tiền nợ phát sinh liên quan đến 3 khoản vay tại 3 Ngân hàng nêu trên và khoản phí sinh hoạt chung tổng cộng là 2.056.280.653 đồng.

* Đại diện hợp pháp cho Bị đơn, ông T1 có bản khai trình bày: Ngày 15/10/2018, ông T1 thành lập và là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Một thành viên E (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0315330202 đăng ký lần thứ 1 ngày 15/10/2018 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp). Tháng 6/2019, ông T1 và ông T quyết định hùn vốn mở nhà hàng E1 trực thuộc Công ty TNHH Một thành viên E. Đến tháng 02/2021, Công ty TNHH Một thành viên E chuyển đổi thành Công ty cổ phần. Quá trình hợp tác thì nội bộ các thành viên góp vốn phát sinh mâu thuẫn, ông T đã áp lực buộc ông T1 phải giao chức danh đại diện pháp luật cho ông T nên từ ngày 06/10/2021 người đại diện pháp luật của Công ty cổ phần E được chuyển cho ông T còn ông T1 chỉ là thành viên góp vốn.

Về yêu cầu khởi kiện của ông T thì ông T1 không chấp nhận vì ông T1 không nhận khoản tiền nào từ ông T như trình bày của ông T. Những tài liệu mà ông T nộp đến tòa làm chứng cứ để khởi kiện là do ông T tự ngẫu tạo nên không đúng sự thật.

* Đại diện hợp pháp của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Công ty Cổ phần E trình bày: Ông T và ông T1 là thành viên góp vốn của Công ty Cổ phần E. Nhà hàng E1 trực thuộc Công ty E. Hiện nhà hàng này đã ngưng hoạt động. Đối với việc khởi kiện tranh chấp giữa ông T1 và ông T là tranh chấp cá nhân không liên quan tới Công ty Cổ phần E nên Công ty không có ý kiến.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1430/2023/KDTM-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 30; Khoản 1 Điều 37; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự có hiệu lực ngày 01/7/2009.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là ông Nguyễn Tất T. Cụ thể như sau:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc: Buộc ông Tôn Thất Nguyễn T1 phải hoàn trả cho ông Nguyễn Tất T số tiền tổng cộng là 965.058.053 đồng (trong đó gồm: tiền nợ do nhờ vay Ngân hàng là 958.773.554 đồng và khoản tiền ứng sinh hoạt phí là 6.284.499 đồng).

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc: Buộc ông Tôn Thất Nguyễn T1 phải hoàn trả cho ông Nguyễn Tất T số tiền tổng cộng là 1.091.222.600 đồng (trong đó gồm: tiền ứng trả gốc, lãi và tiền sinh hoạt phí).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/8/2023 và ngày 03/10/2023 bị đơn là ông Tôn Thất Nguyễn T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Vũ Đ trình bày: Ông Tôn Thất Nguyễn T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì các lý do sau: Thứ nhất, căn cứ vào email từ ["nthitonthat@gmail.com"](mailto:nthitonthat@gmail.com) để xác định ông T1 mượn ông T một số tiền gần 1.000.000.000 đồng để buộc ông T1 thực hiện nghĩa vụ trả cho ông T thì trong cả quá trình tố tụng ông T1 xác định không phải là người sử dụng email nội dung nêu trên. Thứ hai, nội dung email thể hiện thế nào thì phải căn cứ vào dòng tiền, thông qua phần xét hỏi cũng như trong hồ sơ vụ án thì ông T cho rằng ông là người mượn tiền giùm cho ông T1 tại ngân hàng nhưng khi dòng tiền từ ngân hàng về giải ngân cho ông T thì không có tài liệu chứng cứ nào để xác định ông T chuyển khoản cho ông T1 hoặc đưa tiền mặt cho ông T1. Do vậy, nội dung email ông T cung cấp cho Hội đồng xét xử để chứng minh việc ông T1 mượn tiền của ông T là hoàn toàn không có cơ sở pháp lý, không phù hợp với dòng tiền ông T đã sử dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Tôn Thất Nguyễn T1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Luật sư Đỗ Văn K trình bày: Thứ nhất, tại phần xét hỏi thì người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có hỏi ông Nguyễn Tất T vấn đề giải ngân tiền thì tại thời điểm đó mục đích của ông T đi vay tiền là để về cùng với ông T1 mở nhà hàng E1 vào khoảng tháng 6 năm 2019, thời điểm đó công ty chưa có số tài khoản ngân hàng nên tất nhiên khi ông T được 03 ngân hàng giải ngân theo 03 hợp đồng tín dụng thì tiền đó về tài khoản của ông T, mục đích là để sử dụng thành lập nhà hàng nên không thể chuyển hết số tiền đó vào tài khoản cá nhân của ông T1 được, đồng thời công ty không có tài khoản nên ông T mới để trong tài khoản của ông T và chỉ chuyển 100.000.000 đồng cho ông T1 mượn để tiêu xài cá nhân còn số tiền trong tài khoản của ông T sử dụng vào mục đích mở nhà hàng và đều cập nhật cho ông T1, đều được công khai minh bạch và thực tế kể từ khi sử dụng tài khoản đó cho đến nay ông T1 không có bất cứ ý kiến gì về tính minh bạch hoặc đề nghị giải trình số tiền đó nên việc người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu phải có chứng cứ chứng minh số tiền đó có chuyển vào tài khoản của ông T1 hay không thì không phù hợp với quá trình xảy ra. Thứ hai, email mà người đại diện theo ủy quyền của bị đơn phủ nhận thì email này do ông T1 phủ nhận không phải email nên trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm thì nguyên đơn đã làm thủ tục lập Vi bằng. Ngoài thủ tục lập Vi bằng ra để xác thực hơn thì nguyên đơn còn liên hệ 03 nhân chứng đều biết ông Tôn Thất Nguyễn T1 và ông T1 đều dùng email này ngoài trao đổi với ông T thì ông T1 còn dùng email này trao đổi với 03 người, trong 03 người đó thì có 01 người đồng thời là cổ đông của công ty. Ngoài 03 nhân chứng xác nhận email thì họ đã cung cấp bằng văn bản kèm theo căn cước công dân và Tòa án còn triệu tập họ lên phiên tòa và yêu cầu giải thích cụ thể lý do tại sao lại trao đổi qua email đó, mối quan hệ giữa họ với công ty nên việc ông T1 chối bỏ email là không đúng. Thứ ba, một người nếu không có giao dịch vay mượn tiền thì không thể nào từ tháng 10/2019 đến tháng 03/2021 trả tiền ròng rã cho ông T mà trong quá trình trả tiền thì mục đích tại nội dung giao dịch có lúc ghi là không có thông tin đính kèm, lúc ghi là trả nợ cho khoản vay.

Ông Nguyễn Tất T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của Luật sư, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót trong việc thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án cụ thể như sau: Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ chứng minh giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch qua thư điện tử, chưa tiến hành đối chất hoặc làm việc với bị đơn để xác định số tiền gốc và lãi giữa nguyên đơn và bị đơn nếu có, chưa thu thập chứng cứ để chứng minh việc bị đơn có chuyển khoản trả nợ cho nguyên đơn. Tại phiên tòa, nguyên đơn có cung cấp một số sao kê của ngân hàng trong đó không chứng minh được nguồn gốc và lãi của các khoản tiền như nguyên đơn và bị đơn trình bày. Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ đầy đủ đã tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn là chưa khách quan, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại phiên tòa phúc thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

Về nội dung kháng cáo của ông Tôn Thất Nguyễn T1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tất T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét, đối với số tiền vay Ngân hàng:

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Tất T và ông Tôn Thất Nguyễn T1 thống nhất trình bày, vào tháng 6/2019, ông T và ông T1 có hùn vốn mở nhà hàng E1 trực thuộc Công ty TNHH Một thành viên E do ông T1 là người đại diện theo pháp luật. Tháng 02/2021, Công ty TNHH Một thành viên E chuyển đổi thành Công ty cổ phần E. Ngày 06/10/2021, ông T là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần này.

Cũng trong khoảng thời gian tháng 6/2019, ông T ký hợp đồng tín dụng vay Ngân hàng H2 số tiền 600.000.000 đồng, vay Ngân hàng Standard Chartered 500.000.000 đồng, vay Ngân hàng V số tiền 500.000.000 đồng. Các Ngân hàng đã giải ngân cho ông T là người nhận tiền. Đến tháng 4/2021, ông T đã tắt toán xong các khoản vay của ba Ngân hàng trên.

Ông T cho rằng, việc ông ký hợp đồng vay tiền Ngân hàng là vay hộ cho ông T1 để ông T1 có tiền hùn vốn mở nhà hàng và chi tiêu chung cho Nhà hàng E1. Tổng số tiền ông T vay hộ ông T1 là 1.100.000.000 đồng, trong đó 600.000.000 đồng vay của Ngân hàng H2, 250.000.000 đồng trong tổng số tiền 500.000.000 đồng vay Ngân hàng Standard Chartered và 250.000.000 đồng trong tổng số tiền 500.000.000 đồng vay Ngân hàng V.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình, ông T cung cấp chứng cứ là email trao đổi được gửi từ hòm thư điện tử: Matt Thi T3 "nthitonthat@gmail.com" đến hòm thư điện tử của ông T (R ryan@establishment.vn trong đó có nội dung: *"khoản tiền vay từ ngân hàng, về khoản này, T1 muốn mình hiểu chính xác như thỏa thuận ban đầu của hai bên đây là khoản tiền T đứng tên giúp T1 để mượn làm ăn từ các Ngân hàng sau: VP, H2, SC. Không phải là khoản tiền T1 mượn từ*

cá nhân T...”. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ông T1 không thừa nhận có nhờ ông T vay tiền hộ; không thừa nhận hòm thư điện tử [“nthitonthat@gmail.com”](mailto:nthitonthat@gmail.com) là của ông T1; không thừa nhận có gửi email xác nhận nợ với ông T. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào Vi bằng số 246/2023/VB-TPLTPHCM do Văn phòng Thừa phát lại Thành phố H lập ngày 16/5/2023, thể hiện khi truy cập vào máy tính của ông T có email nêu trên gửi từ địa chỉ Matt Thi T [“nthitonthat@gmail.com”](mailto:nthitonthat@gmail.com) đến hòm thư điện tử cho ông T để xác định tên và địa chỉ Matt Thi T [“nthitonthat@gmail.com”](mailto:nthitonthat@gmail.com) là địa chỉ email của ông T1, là chưa đủ căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm còn căn cứ vào các văn bản cung cấp thông tin của ông Trần Công T2, bà Tôn Nữ Kiều M và bà Nguyễn Thị Phụng U1, trong đó xác nhận, ông T1 có sử dụng địa chỉ Matt Thi T [“nthitonthat@gmail.com”](mailto:nthitonthat@gmail.com) để trao đổi công việc khi ông T1 còn làm quản lý của Công ty cổ phần E, để nhận định cho rằng nội dung email xác nhận nợ gửi từ địa chỉ Matt Thi T [“nthitonthat@gmail.com”](mailto:nthitonthat@gmail.com) là của ông T1 cũng chưa đủ căn cứ. Bởi lẽ, tại phiên tòa sơ thẩm, bà M và ông T2 đều xác định không chứng kiến ông T1 đăng nhập vào email nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, làm rõ, ngoài việc trao đổi email với ông T thì ông T1 còn trao đổi với những ai qua email [“nthitonthat@gmail.com”](mailto:nthitonthat@gmail.com) không (bạn bè, người thân trong gia đình), có chứng cứ gì để chứng minh hay không, để từ đó có cơ sở giải quyết vụ án.

Ông T cho rằng, sau khi vay tiền của Ngân hàng, ông T đã chuyển cho ông T1 100.000.000 đồng để tiêu dùng; số tiền còn lại làm chi phí xây dựng nhà hàng; từ khi vay cho đến tháng 3/2021 hàng tháng, ông T1 đã trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi vay. Mặc dù tại phiên tòa ông T có xuất trình chứng cứ chứng minh hàng tháng ông T1 chuyển khoản cho ông T số tiền cố định hơn 27.000.000 đồng. Tuy nhiên, phía ông T1 không thừa nhận các nội dung ông T trình bày nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, làm rõ có sự việc ông T1 chuyển trả một phần tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng hay không, trả bằng hình thức nào, trả cho ai, số tiền chuyển trả (nếu có) có phù hợp với khoản tiền gốc và lãi hàng tháng mà Ngân hàng yêu cầu trả hay không; có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ông T có giao cho ông T1 số tiền vay hay không; có thỏa thuận gì về việc ông T đầu tư số tiền vay cho Nhà hàng Esta theo yêu cầu của ông T1 hay không.

Trong khi chưa xác minh, làm rõ các vấn đề nêu trên, tài liệu chứng cứ để giải quyết vụ án chưa được thu thập đầy đủ, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông T1 trả cho ông T số tiền 958.773.554 đồng, là chưa đủ cơ sở vững chắc.

[2.2] Đối với khoản tiền sinh hoạt phí:

Ông T khởi kiện yêu cầu ông T1 trả số tiền sinh hoạt phí khi hai người sống chung là 61.000.000 đồng nhưng ông T không cung cấp được chứng cứ nào có giá trị pháp lý để chứng minh cho yêu cầu của mình là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào email trao đổi được gửi đi từ hộp thư Matt Thi T4 [“nthitonthat@gmail.com”](mailto:nthitonthat@gmail.com) ngày 25/3/2021 để cho rằng ông T1 còn nợ ông T khoản sinh hoạt phí 6.284.499 đồng, từ đó buộc ông T1 trả cho ông T số tiền này, trong

khi chưa có chứng cứ xác thực rằng, địa chỉ email "nthitonthat@gmail.com" của ông T1, email do ông T1 gửi, là chưa đủ căn cứ.

[3] Các vấn đề trên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông Tôn Thất Nguyễn T1, hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại vụ án.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bản án sơ thẩm bị hủy, ông Tôn Thất Nguyễn T1 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310, Điều 313, khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Tôn Thất Nguyễn Thi . Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1430/2023/KDTM-ST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông Tôn Thất Nguyễn T1 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Ông Tôn Thất Nguyễn T1 được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0002373 ngày 26/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi Tòa án giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (1)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Nguyên đơn; (1)
- Bị đơn; (1)
- NCQLNVLQ; (1)
- Người làm chứng; (3)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA-Tâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Duyên

